

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2023/DS-PT
Ngày: 31-8-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn
Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 157/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2023/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 178/2023/QĐXX-PT ngày 12 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 218/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa phúc thẩm số 1127/TB-TA ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lan C, sinh năm 1972; nơi cư trú: tổ B, khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang; (Có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Phan Thị Ánh H, sinh năm 1980; (Vắng mặt)

2. Ông Bùi Văn N, sinh năm 1978; (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: tổ B, khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Phan Văn B, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. (Có mặt)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Lan C, bà Phan Thị Ánh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan C trình bày:

Vào năm 2019, bà Nguyễn Thị Lan C và bà Phan Thị Ánh H thỏa thuận mua quần áo và đồ gia dụng từ các cửa hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh để bán lại, nguồn tiền để mua hàng hóa là của bà C, do bà H có mặt bằng mua bán nên không hùn tiền; sau khi mua bán, bà C thấy việc mua bán không thuận lợi nên bà C nói bà H t lại hàng hóa, không hùn mua bán nữa; tuy nhiên bà H không đồng ý và có yêu cầu nhận lại hết hàng hóa lại để tự bán và trả lại vốn và chịu lãi suất cho bà C, vì không có tiền mặt thanh toán cho bà C một lần nên bà H nhờ bà C tham gia hội 04 phần hội 5.000.000 đồng nhằm để hốt hội trả tiền hàng hóa cũng như tiền vay với hình thức là châu hội chết; khi bà C hốt hội được 760.000.000 đồng, số tiền này bà C nhận để trừ tiền hàng hóa mà bà H lấy lại, sau đó bà H trả góp 1.300.000 đồng/ngày từ ngày 30/4/2020 đến ngày 30/10/2020 với tổng số tiền là 240.000.000 đồng, bà H còn nợ bà C số tiền 520.000.000 đồng, nhưng do nghĩ đã làm ăn với nhau có lời có lỗ nên bà C và bà H chỉ chốt số tiền nợ là 500.000.000 đồng bằng “GIẤY NHẬN NỢ” ngày 02/11/2020, bà C có yêu cầu vợ chồng bà H, ông N ký vào giấy nhận nợ nhưng chỉ có bà H ký nhận, còn ông N không đồng ý ký tên. Sau khi ký giấy nhận nợ 500.000.000 đồng thì bà H cũng trả góp 500.000 đồng/ngày cho khoản tiền làm biên nhận, trả được 246.000.000 đồng rồi ngưng không trả nữa, bà H còn nợ lại 254.000.000 đồng.

Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N, bà H có trách nhiệm trả số tiền là 254.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị Ánh H trình bày:

Bà H thừa nhận có thỏa thuận cùng bà C mua quần áo và đồ gia dụng về bán, tổng số tiền mua hàng là 400.000.000 đồng (mỗi người bỏ vốn 200.000.000 đồng). Do không bán được nên bà C kêu bà H lấy lại số hàng hóa với số tiền là 183.000.000 đồng và tiền 147.000.000 đồng (tiền gói đầu bán hàng chưa trả tiền), bà C tính lãi 60.000.000 đồng, đồ gia dụng 53.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận bằng miệng bà C yêu cầu bà H góp 1.300.000 đồng/ngày, góp được 240.000.000 đồng. Sau đó bà C làm giấy nhận nợ và bà H đồng ý ký tên, sau khi làm giấy nhận ngày 02/11/2020 bà tiếp tục trả cho bà C từ ngày 02/11/2020 đến cuối tháng 5/2022 với số tiền là 260.000.000 đồng, bà H cho rằng đã trả đủ khoản tiền 500.000.000 đồng cho bà C không còn nợ của bà C, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà C.

Theo bản tự khai bị đơn ông Bùi Văn N trình bày: Việc bà C khởi kiện yêu cầu ông N và bà H cùng có trách nhiệm trả số tiền vay là 254.000.000 đồng, ông N cho rằng không vay tiền hay hùn vốn mua bán gì với bà C, sau này ông N thấy cự cãi qua lại thì ông mới biết vợ ông (bà H) với bà C hùn vốn mua bán quần áo với nhau (*bản tự khai ngày 28/3/2023*). Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà C và xin vắng mặt tất cả các buổi hòa giải, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm do bị

bệnh đi lại khó khăn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có yêu cầu ông Bùi Văn N và bà Phan Thị Ánh H cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc đã trả toàn bộ số tiền cho bà C nhưng ông N, bà H không thực hiện. Tòa án tiến hành hòa giải, đối chất giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà C trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông N, bà H trả số tiền 254.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Phan Văn B trình bày:

Về chứng cứ khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan C là giấy nhận nợ 500.000.000 đồng được xác lập ngày 02/11/2020, bà H thừa nhận có điểm chỉ ký và ghi họ tên là phù hợp với quy định pháp luật.

Nhưng xem về nội dung trong giấy nhận nợ có thể hiện “sau khi đã trừ đi số tiền tôi trả trước đó”, nghĩa là trừ đi số tiền bà H đã trả cho bà C 240.000.000 đồng trước khi xác lập “GIẤY NHẬN NỢ” ngày 02/11/2020 và sau khi xác lập giấy nhận nợ thì bà H đã tiếp tục trả cho bà C 260.000.000 đồng, cả hai khoản tiền này bà C cũng đã thừa nhận, như vậy bà H đã thanh toán xong cho bà C toàn bộ số tiền nợ 500.000.000 đồng.

Về trách nhiệm liên đới của ông Bùi Văn N, giấy nhận nợ ngày 02/11/2020 bà C làm chứng cứ khởi kiện bà H, ông N, nhưng chỉ có bà H ký tên, ông N không ký tên vào giấy nhận nợ này, ông N cũng không vay tiền hay hùn vốn làm ăn với bà C và hoàn toàn không biết việc hùn vốn làm ăn giữa vợ ông là bà H với bà C, sau này ông N thấy hai bên mâu thuẫn với nhau ông mới biết. Do đó, ông N không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đức tỉnh An Giang đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan C.

Buộc bà Phan Thị Ánh H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Lan C số tiền 254.000.000 (hai trăm năm mươi bốn triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo, án phí và thi hành án của đương sự

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không giao nộp tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

- Về tuân thủ pháp luật: Việc chấp hành pháp luật của đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung:

Bà H kháng cáo không đồng ý trả bà C 254.000.000 đồng: Bà H thừa nhận có ký tên trên giấy nhận nợ. Bà H cho rằng trước đó đã trả cho bà C 260.000.000 đồng, bà C biết việc vợ chồng bà tính bán nhà nên nhờ ban khóm lập biên nhận nợ 500.000.000 đồng cho bà ký tên. Sau đó bà trả được 240.000.000 đồng nên đã trả hết cho bà C là không có căn cứ. Bởi vì, nếu thực tế bà H chỉ nợ bà C số tiền 500.000.000 đồng, thì sau khi trả được 260.000.000 đồng, bà H sẽ không đồng ý ký tên vào biên nhận nợ trên và có thể nhờ ban khóm can thiệp giải quyết. Việc bà H trả cho bà C 246.000.000 đồng không có chứng cứ nhưng được bà C thừa nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc bà H có nghĩa vụ trả cho C 254.000.000 đồng là có căn cứ. Bà H kháng cáo, không chấp nhận trả tiền cho bà C, nhưng không cung cấp chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét

Bà C kháng cáo yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ liên đới với bà H trả tiền bà: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, bà C không cung cấp được chứng cứ chứng minh nợ chung của ông N, bà H nên không buộc trách nhiệm liên đới của ông N là chưa đủ căn cứ. Giấy nhận nợ tuy chỉ có bà H ký tên nhưng số nợ trên xuất phát từ việc bà H thỏa thuận nhận lại hàng hóa (hùn với bà C) để tiếp tục mua bán. Bà H cho rằng bà C ép buộc bà phải nhận là không có căn cứ. Ông N, bà H là vợ chồng hợp pháp, việc mua bán của bà H diễn ra trong thời gian dài, ông N phải biết được nguồn tiền để bà H mua hàng hóa kinh doanh. Tại biên bản hòa giải ngày 15/12/2022, bà H trình bày, khi bà C yêu cầu vợ chồng bà ký tên trên giấy nhận nợ ngày 02/11/2020 thì ông N biết được sự việc. Sau khi ký giấy nhận nợ, bà H tiếp tục trả cho bà C mỗi ngày 500.000 đồng đến ngày 29/6/2022 theo thỏa thuận, ông N vẫn không có ý kiến phản đối, nên ông N phải có nghĩa vụ liên đới với bà H trả tiền cho bà C.

Bởi các lẽ trên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Ánh H. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lan C. Sửa bản án sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc. Buộc ông N và bà H liên đới trả cho bà C số tiền 254.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan C, bị đơn bà Phan Thị Ánh H trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Ánh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo nội dung “Giấy nhận nợ” ngày 02/11/2020 được bà Phan Thị Ánh H ký tên, điểm chỉ với nội dung: *“Tôi có mượn của Nguyễn Thị Lan C ...số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), mục đích vay mượn là để mua bán quần áo và đồ gia dụng.*

Nay tôi làm giấy nhận nợ này, cam kết rằng mỗi ngày vợ chồng tôi sẽ trả cho chị C số tiền là: 500.000.000 đồng, đến khi tôi bán được căn nhà 2 tầng (1 trệt, 1 lầu) tại khu dân cư chợ K thuộc khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang, tôi sẽ trả dứt điểm một lần (sau khi đã trừ đi số tiền tôi trả trước đó)”.

[2.1] Theo nội dung biên nhận được hiểu: Kể từ ngày 02/11/2020, mỗi ngày, vợ chồng bà H sẽ trả 500.000 đồng cho bà C cho đến khi vợ chồng bà H bán được căn nhà thì sẽ trả 01 lần số tiền nợ còn lại.

Bà H kháng cáo cho rằng, tại biên nhận, câu cuối cùng có ghi: *“sau khi đã trừ đi số tiền tôi trả trước đó”*, mà số tiền 240.000.000 đồng bà H đã trả trước đó là trước ngày 02/11/2020 (ngày lập biên nhận nợ) đã được bà C thừa nhận. Từ ngày 02/11/2020 đến tháng 5/2022, bà H trả được 246.000.000 đồng nên bà H đã trả hết nợ. Lập luận này của bà H là không có căn cứ. Bởi vì, trước ngày 02/11/2020, bà H có trả 240.000.000đ cho bà C là để thanh toán các khoản tiền trong việc góp vốn mua bán quần áo, đồ gia dụng. Ngày 02/11/2020 giữa bà C, bà H lập biên nhận nợ là để thỏa thuận lại số tiền 500.000.000 đồng thành tiền nợ. Kể từ ngày 02/11/2020 là thời điểm xác lập lại quyền và nghĩa vụ của số tiền nợ 500.000.000 đồng, nên kể từ ngày lập biên nhận nợ trở về sau mới phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và cũng kể từ ngày 02/11/2020 bà H đã trả được 246.000.000 đồng được bà C thừa nhận nên đây là chứng cứ không cần phải chứng minh. Đối với số tiền bà H đã thực hiện trả trước ngày Biên nhận ngày 02/11/2020 là không có giá trị ràng buộc theo nội dung của tờ biên nhận ngày 02/11/2020.

[2.2] Hơn nữa, theo lẽ thông thường, trước ngày 02/11/2020, bà H đã trả 240.000.000 đồng cho bà C rồi, thì không ai lại ký biên nhận nợ số tiền mình đã trả nên kháng cáo của bà H không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bà C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại biên nhận nợ ngày 02/11/2020 bà H ký tên xác nhận: Mục đích vay mượn để mua bán quần áo và đồ gia dụng. Nhận thấy đây là hoạt động nhằm mang tính kinh tế chung vợ chồng như nhận định của Đại viện Viện kiểm sát để buộc liên đới. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà C trình bày: *“Do bà H năn nỉ đừng kêu chồng (ông N) ký nợ ông sẽ biết”* nên có căn cứ xác định khoản nợ này ông N không biết nên bà C kháng cáo buộc trách nhiệm liên đới là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Các nội dung của Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà H và bà C không được chấp nhận, nên bà H và bà C phải chịu án phí phúc thẩm quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C1 và bị đơn bà Phan Thị Ánh H;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm 22/2023/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc tỉnh An Giang;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan C.

Buộc bà Phan Thị Ánh H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Lan C số tiền 254.000.000 (*hai trăm năm mươi bốn triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm

Bà Phan Thị Ánh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.700.000 (*mười hai triệu bảy trăm nghìn*) đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Lan C số tiền 6.350.000 (*sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí tòa án số 0002434 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

3. Về án phí phúc thẩm:

Bà Phan Thị Ánh H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng kháng cáo đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí tòa án số 0003340 ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Lan C phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng kháng cáo đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí tòa án số 0003328 ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn cáo kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc;
- TAND TP. Châu Đốc;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Keo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn Trần Thị Thúy Hà

Đào Chí Keo